

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư xây dựng phục vụ công tác bảo trì

#### GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Quyết định 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 2389/QĐ-BVĐHYD ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp vật tư xây dựng phục vụ công tác bảo trì;*

*Theo Đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư xây dựng phục vụ công tác bảo trì và Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ-TTĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư xây dựng phục vụ công tác bảo trì.*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư xây dựng phục vụ công tác bảo trì với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng A Và Z Contractor;
- Giá trúng thầu: 478.278.900 VND (*Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi tám triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm đồng*);

*Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan.*

- Danh mục trúng thầu: Theo phụ lục đính kèm
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 300 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

**Điều 2.** Phòng Quản trị tòa nhà chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các Ông/Bà: Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đầu thầu, Trưởng Phòng Quản trị tòa nhà và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Handwritten signature*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, QTTN (K16-147-nmlinh).

**GIÁM ĐỐC**



*Handwritten signature*  
**Nguyễn Hoàng Bắc**

## PHỤ LỤC

(kèm theo Quyết định số ~~122~~ <sup>121</sup> QĐ-BVĐHYD ngày ~~08~~ <sup>07</sup> tháng ~~12~~ <sup>11</sup> năm 2021)

| TT | Tên danh mục                                  | Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm | Xuất xứ    | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|----|-----------------------------------------------|-----------------------------------|------------|-----|----------|---------------|------------------|
| 1  | Bộ tay nắm gạt có nắp che inox mờ 140x60x19mm | Hafele                            | Trung Quốc | bộ  | 7        | 374.000       | 2.618.000        |
| 2  | Chốt âm cho cửa, 305mm, crom mờ               | Hafele                            | Trung Quốc | cái | 14       | 484.000       | 6.776.000        |
| 3  | Thân khóa SASHLOCK, BS 55/72mm                | Hafele                            | Trung Quốc | bộ  | 1        | 400.400       | 400.400          |
| 4  | Ruột khóa 1 đầu chìa, 1 đầu vặn               | Hafele                            | Trung Quốc | bộ  | 6        | 1.540.000     | 9.240.000        |
| 5  | Ruột khóa cho cửa phòng vệ sinh               | Hafele                            | Trung Quốc | bộ  | 2        | 1.320.000     | 2.640.000        |
| 6  | Khóa tay nắm tròn cửa đi                      | Hafele                            | Trung Quốc | bộ  | 32       | 440.000       | 14.080.000       |
| 7  | Bản lề lá 127x89x3mm - 4 vòng bi              | Hafele                            | Trung Quốc | bộ  | 300      | 161.700       | 48.510.000       |
| 8  | Tay nắm gạt có nắp che cho cửa thoát hiểm     | Hafele                            | Trung Quốc | bộ  | 10       | 1.604.900     | 16.049.000       |
| 9  | Thanh thoát hiểm                              | Hafele                            | Trung Quốc | bộ  | 1        | 4.449.500     | 4.449.500        |
| 10 | Thanh thoát hiểm với thanh chốt dọc           | Hafele                            | Trung Quốc | bộ  | 2        | 6.072.000     | 12.144.000       |
| 11 | Bản lề sàn                                    | Hafele                            | Trung Quốc | bộ  | 4        | 3.201.000     | 12.804.000       |
| 12 | Thiết bị đóng cửa tự động                     | Hafele                            | Trung Quốc | bộ  | 6        | 990.000       | 5.940.000        |
| 13 | Tay đẩy hơi                                   | Ezset                             | Đài Loan   | bộ  | 20       | 616.000       | 12.320.000       |
| 14 | Thanh Inox bảo vệ khung cửa                   | A & Z                             | Việt Nam   | cái | 30       | 352.000       | 10.560.000       |



|    |                                                                      |                  |          |      |     |         |            |
|----|----------------------------------------------------------------------|------------------|----------|------|-----|---------|------------|
| 15 | Thanh Inox bảo vệ khung cửa                                          | A &Z             | Việt Nam | cái  | 10  | 385.000 | 3.850.000  |
| 16 | Tấm Inox bảo vệ cánh cửa                                             | A &Z             | Việt Nam | cái  | 20  | 286.000 | 5.720.000  |
| 17 | Bảo vệ góc tường                                                     | A &Z             | Việt Nam | cái  | 144 | 286.000 | 41.184.000 |
| 18 | Tay nắm cửa sổ                                                       | Khánh Linh       | Việt Nam | cái  | 120 | 253.000 | 30.360.000 |
| 19 | Lưới cắt gạch (dùng trong sửa chữa gạch, đá)                         | Waves            | Séc      | cái  | 20  | 115.500 | 2.310.000  |
| 20 | Lưới dao (dùng trong sửa chữa gạch)                                  | SDI              | Đài Loan | hộp  | 200 | 12.100  | 2.420.000  |
| 21 | Cọ lăn 60mm (dùng trong việc sơn lại cửa đi)                         | Việt Mỹ          | Việt Nam | cái  | 100 | 9.350   | 935.000    |
| 22 | Cọ lăn 100mm (dùng trong sửa chữa thấm, gạch, giấy)                  | Việt Mỹ          | Việt Nam | cái  | 100 | 12.100  | 1.210.000  |
| 23 | Băng keo giấy (dùng để dán các phụ kiện khi sơn lại cửa đi)          | AMERICA USA Tape | Việt Nam | cuộn | 500 | 6.600   | 3.300.000  |
| 24 | Đầu bắn vít (dùng trong việc sửa chữa phụ kiện cửa đi)               | Bosch            | Đài Loan | cái  | 15  | 22.000  | 330.000    |
| 25 | Mũi khoan taro 6mm (dùng trong việc sửa chữa phụ kiện cửa đi)        | Nachi            | Nhật     | mũi  | 20  | 24.200  | 484.000    |
| 26 | Silicone trung tính (dùng để sửa chữa đường ron cửa kính bản lề sàn) | Apollo           | Hàn Quốc | chai | 200 | 55.000  | 11.000.000 |
| 27 | Nhựa lỏng nguyên sinh (dùng để sửa chữa thấm, gạch, giấy dán tường)  | Wellmark         | Hàn Quốc | kg   | 200 | 71.500  | 14.300.000 |

|                  |                                                   |           |             |               |    |           |                    |
|------------------|---------------------------------------------------|-----------|-------------|---------------|----|-----------|--------------------|
| 28               | Sơn men KL-5<br>tường kháng<br>khuẩn              | Kova      | Việt<br>Nam | Thùng<br>/5kg | 53 | 1.925.000 | 102.025.000        |
| 29               | Tấm trần sợi<br>khoáng ANF<br>RH95, thẳng<br>cạnh | Armstrong | Anh<br>Quốc | Thùng         | 48 | 2.090.000 | 100.320.000        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                   |           |             |               |    |           | <b>478.278.900</b> |

